

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Bản án số 16/2024/DS-PT

Ngày 15/01/2024

“V/v: Tranh chấp hợp đồng
mua bán hàng hóa”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trịnh Hoàng Anh

Các Thẩm phán:

Ông Cao Minh Vỹ

Bà Bùi Thị Thương

-Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Thùy Quyên –Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Vẹn - Kiểm sát viên.

Ngày 15/01/2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 262/2024/TLPT-DS ngày 22/11/2024, về tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 26/2024/DS-ST ngày 21 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Châu Đức bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 359 /2024/QĐPT-DS ngày 16/12/2024; Giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Quỳnh A, sinh năm 1994; Địa chỉ: Số G đường A, tổ D, thôn C, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận. (Có mặt)

2. *Bị đơn:* Bà Hoàng Thị Thu H, sinh 1969; Địa chỉ: Tổ C, đường C, khu phố V, thị trấn N, huyện C, tỉnh BRVT. (Có mặt)

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Ông Trần Tấn T, sinh năm 1992; Địa chỉ: Số G đường A, tổ D, thôn C, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận. (Có mặt)

3.2. Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1972; Địa chỉ: Khu phố L, thị trấn N, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. (Có mặt)

4. *Người kháng cáo:* Bà Nguyễn Thị Quỳnh A, sinh 1994; Địa chỉ: Số G đường A, tổ D, thôn C, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**/Theo đơn khởi kiện, tại các bản khai nguyên đơn Bà Nguyễn Thị Quỳnh A trình bày:* Bà Quỳnh A (Bên A) và bà H (Bên B) có quen biết nhau qua việc mua bán nắm mỗi. Đến mùa nắm mỗi năm 2023 hai bên tiếp tục mua bán hàng qua hình thức Zalo, đặt hàng, chốt đơn, giao hàng và thanh toán.

Ngày 17/6/2023 Bên A giao cho Bên B lô hàng (nắm mỗi) với tổng số tiền 35.215.000 đồng, Bên B chuyển khoản thanh toán đủ 50.000.000 đồng; Ngày 18/6/2023 Bên A giao 01 lô hàng cho Bên B tại thị trấn N, huyện C và 01 lô hàng nhận tại nhà bà H với tổng số tiền 88.414.000 đồng, chưa thanh toán tiền số tiền này; Ngày 19/6/2023 Bên B đến nhà Bên A (Bình Thuận) nhận lô hàng với tổng số tiền 30.510.000 đồng. Bên A đã nhận 50.000.000 triệu tiền mặt do bà H1 đi mua hàng chung với bà H trực tiếp thanh toán; Ngày 20/6/2023 Bên A giao Bên B lô hàng tại thị trấn N với số tiền 27.280.000 đồng và chiều cùng ngày Bên B chuyển khoản thanh toán số tiền 50.000.000 đồng; Ngày 21/6/2023 Bên A giao Bên B lô hàng tại Bình Thuận với tổng số tiền là 43.250.000 đồng và Bên B tự tính rồi ghi vào sổ Bên A tiền hàng (ngày 20/6/2023 và 21/6/2023) còn thiếu là 20.670.000 triệu đồng và thanh toán tiền mặt cho Bên A số tiền 20.670.000 đồng; Ngày 22/6/2023 Bên A giao Bên B lô hàng tại Bình Thuận với tổng số tiền 24.300.000 đồng, đã chuyển khoản thanh toán số tiền 24.300.000 đồng. Bà Quỳnh A xác nhận: Khi cộng tổng số tiền hàng hai bên đã mua bán nắm với nhau là 248.969.000 đồng, tổng số tiền bà H đã thanh toán là 194.970.000 đồng, như vậy bà H vẫn còn thiếu tiền hàng nhưng xác định rõ là thiếu ngày 18/6 với số tiền 50.000.000 đồng; Như vậy, qua việc mua bán nắm mỗi với nhau từ ngày 17/6 đến 22/6/2023 hai bên đã giao nhận hàng đầy đủ, về thanh toán tiền hàng thì bà H chưa thanh toán số tiền 50.000.000 đồng vào ngày 18/6/2023, các ngày còn lại đã thanh toán xong; Do đó, nay bà Quỳnh A khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà H phải thanh toán 50.000.000 đồng tiền hàng ngày 18/6/2023, không yêu cầu tính lãi.

**/ Tại các bản khai bị đơn bà Hoàng Thị Thu H trình bày:* Bà H và bà Quỳnh A có quen biết nhau thông qua việc mua bán nắm mỗi nhiều năm qua, hình thức mua bán đúng như bà A đã trình bày, hai bên mua bán qua hình thức Zalo đặt hàng và thanh toán với nhau, không lập giấy tờ gì. Việc mua bán nắm mỗi năm 2023 diễn ra từ ngày 17/6 đến 22/6/2023, cụ thể:

Ngày 17/6/2023, lấy hàng với tổng số tiền 34.920.000 đồng, đã chuyển khoản 50.000.000 đồng (Dư 15.080.000 đồng); Ngày 18/6/2023, lấy hàng với tổng số tiền 82.200.000 đồng, bà H1 thanh toán 50.000.000 đồng tiền mặt tại nhà bà A; Ngày 19/6/2023, lấy hàng với tổng số tiền 28.500.000 đồng, thanh toán 50.000.000 đồng cho bà A; Ngày 20/6/2023, lấy hàng với tổng số tiền 27.280.000 đồng, bà H chuyển khoản cho ông T số tiền 50.000.000 đồng; Ngày 21/6/2023, lấy hàng với số tiền 43.250.000 đồng, bà H1 thanh toán tiền mặt số tiền 20.670.000 đồng cho bà Quỳnh A và mẹ bà A nhận số tiền trên; Ngày 22/6/2023, lấy hàng với tổng số tiền 24.350.000, bà H chuyển khoản cho ông T số tiền 24.350.000 đồng.

Như vậy, bà H đã thanh toán đủ số tiền hàng cho bà Quỳnh A theo hợp đồng mua bán nắm mỗi giữa hai bên. Vì vậy, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Quỳnh A.

**/Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:*

+*Ông Trần Tấn T trình bày:* Ông T là chồng của bà Quỳnh A và đồng ý với phần trình bày của bà Quỳnh A về các sự kiện xảy ra từ ngày 17/6/2023 đến ngày 22/6/2023 và yêu cầu bị đơn bà H phải thanh toán số tiền hàng còn thiếu ngày 18/6/2023 là 50.000.000 đồng.

+*Bà Nguyễn Thị H1 trình bày:* Bà H1 có tham gia mua bán nắm mỗi với bà H và là người trực tiếp đưa tiền tại nhà bà Quỳnh A vào các ngày 18/6/2023, ngày 19/6/2023 và ngày 21/6/2023. Bà H1 không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn do bên mua đã thanh toán xong tiền hàng, cụ thể nguyên đơn yêu cầu thanh toán số tiền 50.000.000 đồng của ngày 18/6/2023 là không đúng.

**/Tại bản án dân sự sơ thẩm số 26/2024/DS-ST ngày 21 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Châu Đức;* Đã áp dụng các quy định của pháp luật. Tuyên xử:

+Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Quỳnh A đối với bị đơn bà Hoàng Thị Thu H về việc kiện yêu cầu thanh toán số tiền 50.000.000 đồng; Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của đương sự theo quy định pháp luật.

**/Ngày 25/6/2024 nguyên đơn bà Quỳnh A có đơn kháng cáo bản án, với nội dung: Đề nghị xét xử lại vụ án, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.*

**/Tại phiên tòa phúc thẩm:*

Các đương sự có mặt đủ; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án; Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và không cung cấp tài liệu, chứng cứ mới; Các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

**/Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:*

Hội đồng xét xử và đương sự đã thực hiện đúng trình tự thủ tục mà Bộ luật tố tụng dân sự quy định. Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và xét xử công khai tại phiên tòa nhận thấy: Tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự thỏa thuận là Bị đơn Bà Hoàng Thị Thu H đồng ý trả cho Nguyên đơn Bà Nguyễn Thị Quỳnh A số tiền là 20.000.000 đồng (bà Nguyễn Thị Quỳnh A đồng ý nhận 20 triệu đồng); Đây là sự tự nguyện của các đương sự; Đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Đơn kháng cáo của nguyên đơn bà Quỳnh A trong hạn luật định và đúng trình tự thủ tục mà Bộ luật tố tụng dân sự quy định nên Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét lại bản án sơ thẩm theo trình tự phúc thẩm.

[2.] Xét nội dung kháng cáo; Hội đồng xét xử thấy:

[2.1] Về Số tiền yêu cầu trả: Bà Nguyễn Thị Quỳnh A và bà Hoàng Thị Thu H quen biết và mua bán nấm làm ăn với nhau với nhau nhiều năm; Năm 2023 có mua bán nấm với nhau thông qua hình thức đặt hàng qua điện thoại, Z, giao hàng và thanh toán trực tiếp hoặc chuyển khoản cho nhau. Hai bên không ký lập giấy tờ thanh toán nợ với nhau.

Từ ngày 17/6 đến 22/6/2023 bà Quỳnh A bán cho bà H 06 đợt hàng liên tiếp nhau. Giao tiền và giao hàng từng đợt thì bà Quỳnh A đã liệt kê rõ;

Tại phiên tòa hai bên tự đối chiếu tiền hàng trả dư trả thiếu của từng đợt mua hàng và xác nhận thống nhất đã trả đủ, chỉ riêng ngày 18/6/2023 số tiền hàng 45.480.000 đồng; Bà H cho rằng đã trả, còn bà Quỳnh A cho rằng chưa trả;

Sau khi Hội đồng xét xử phân tích lỗi của mỗi bên khi mua bán và thanh toán tiền hàng không ghi sổ sách ký nhận rõ ràng nên dẫn tới tranh chấp;

Thì các bên thỏa thuận thống nhất được như sau:

Bà Hoàng Thị Thu H đồng ý trả cho *Nguyên đơn* Bà Nguyễn Thị Quỳnh A số tiền là 20.000.000 đồng (bà Nguyễn Thị Quỳnh A đồng ý nhận 20 triệu đồng); Xét thấy: Đây là sự tự nguyện của các đương sự, không trái pháp luật và đạo đức xã hội; Căn cứ Điều 300 Bộ luật tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của các đương sự; Do đó cần phải sửa án sơ thẩm (do lỗi khách quan)

[2.1] Về án phí dân sự sơ phúc thẩm: Căn cứ Điều 26, 27, 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí lệ phí tòa án.

+ Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Hoàng Thị Thu H phải trả cho Bà Nguyễn Thị Quỳnh A số tiền là 20.000.000 đồng nên chịu án phí là: 20.000.000 đồng x 5% = 1.000.000 đồng và Bà Nguyễn Thị Quỳnh A được hoàn trả 1.250.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0001732 ngày 02/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Đức.

+Về án phí dân sự phúc thẩm: Do sửa án sơ thẩm nên bà Quỳnh A không phải chịu án phí và được hoàn trả tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng.

Từ những phân tích và nhận định trên, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận: Chấp nhận một phần kháng cáo và Sửa bản án sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Quỳnh A. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số **26/2024/DS-ST** ngày **21 tháng 6 năm 2024** của **Tòa án nhân dân huyện Châu Đức**, như sau:

Áp dụng: Điều 26, 35, 39, 147, 300 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 116; 430; 433; 440 Bộ luật dân sự; Điều 26,27,29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí; Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Quỳnh A đối với bà Hoàng Thị Thu H;

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau:

Bà Hoàng Thị Thu H có nghĩa vụ trả cho Bà Nguyễn Thị Quỳnh A số tiền là 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng)

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Hoàng Thị Thu H phải chịu 1.000.000 đồng (một triệu đồng); Bà Nguyễn Thị Quỳnh A được hoàn trả 1.250.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0001732 ngày 02/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Đức, tỉnh BRVT.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị Quỳnh A được trả lại 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0001160 ngày 19/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Đức.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì hàng tháng phải trả thêm số tiền lãi theo lãi suất qui định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Bản án có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án, ngày 15/1/2025

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND tỉnh BR-VT;
- VKSND h. Châu Đức
- THADS huyện Châu Đức
- Đương sự
- Lưu hồ sơ vụ án.

(Đã ký)

Trịnh Hoàng Anh

